TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 12 – 11 – 2018
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2018 về việc*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018.

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; ông H có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thu N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ông H và bà Phạm Thu N kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là do hai người tự nguyện, không bị ép buộc, đe dọa. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đến năm 2003 thì về khu 6, thị

trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa sinh sống được thời gian thì đến năm 2012 chuyển vào sống tại tổ 1, khu phố k, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian chung sống ông H và bà N đã có có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 11/9/1999 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008. Hiện nay 02 con đang sống cùng ông H tại tổ 1, khu phố k, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Phước.

Theo ông H thì thời gian đầu vợ chồng chung sống không có chuyện gì xảy ra, cuộc sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ đầu năm 2015 tôi và bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho tới tận bây giờ. Nguyên nhân là do vợ chồng thuê nhà để làm ăn thất bại nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, sau đó bà N có quan hệ với người đàn ông khác nên chồng ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nay ông H nhận thấy cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông H khởi kiện bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giải quyết cho ông H được ly hôn với bà N. Về con chung ông H yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Đình T, sinh ngày 11/9/1999 ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì cháu T đã trưởng thành.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Phạm Thu N trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà N, T hành triệu tập bà N đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông H có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc được ly hôn với bà Phạm Thu N; ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung được nuôi con chung Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn bà N vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định có trong Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố dụng dân sự và đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà N mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã không thực hiện các yêu cầu tham gia giải quyết vụ án của Tòa án, không gửi văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà N lại tiếp tục vắng mặt tại phiên toà (vắng mặt lần hai và không có lý do). Tất cả những điều này cho

thấy bị đơn không chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bà N là có căn cứ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho ông H được ly hôn với bà N; Giao con chung Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008 cho ông H trực tiếp nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; buộc ông H nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H Tòa án xác định đây là vụ án dân sự trong đó các bên tranh chấp về hôn nhân gia đình, về việc "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bà Phạm Thu N. Bà N có địa chỉ cư trú tại thị trấn C, huyện Chơn Thành nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Do ông H khởi kiện nên Tòa án xác định ông H là nguyên đơn, bà N là người bị kiện nên Tòa án xác định bà N là bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về phần bà N, mặc dù đã được Tòa án T hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà N không chấp hành, không có ý kiến phản hồi đối với các thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn bà N vắng mặt. Tuy nhiên xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án T hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn là bà N.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Căn cứ vào lời khai của ông H và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông H và bà N kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo theo giấy chứng nhận kết hôn số: 43, quyển số: 01/99, đăng ký ngày 01/7/1999. Việc kết hôn là do ông H và bà N hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Ông H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có chuyện gì xảy ra, cuộc sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ đầu năm 2015 ông H và bà N bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho tới tận bây giờ. Nguyên nhân là do thuê nhà để làm ăn thì hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, sau đó bà N có quan hệ với người đàn ông khác, bỏ ông H về Chơn Thành số dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng để bà biết thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải để thuyết phục, động viên, hàn gắn tình cảm cho ông H và bà N đoàn tụ nhưng bà N đều vắng mặt, không có thiện chí hòa giải vợ chồng, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Tất cả các điều này cho thấy giữa ông H và bà N có mâu thuẫn gia đình; vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình; đời sống chung không không thể tiếp tục và thực tế các đương sự đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N được Tòa án chấp nhận.

[5]. Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay của ông H thì giữa ông H và bà N có con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 11/9/1999 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008. Bà N không có ý kiến về lời trình bày của ông H. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do ông H cung cấp như giấy khai sinh của các con, hộ khẩu của gia đình bà N, ông H và biên bản xác minh của Tòa án, xét thấy lời trình bày của ông H về con chung là có căn cứ. Do ông H bà N ly thân nên hiện ông H đang nuôi cả hai con là T và S.

[6]. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008 của ông H. Tòa án nhận thấy, mặc dù ông H đã nêu ra yêu cầu nhưng bà N không nêu ra ý kiến hay phản hồi về nguyện vọng của mình đối với vấn đề con chung hay yêu cầu của ông H. Tòa án đã T hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết người trực tiếp nuôi con khi ly hôn nhưng bà N vắng mặt không tham gia. Về điều kiện nuôi con thì ông H, bà N điều có đủ điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do trong quá trình giải quyết vụ án ông H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Yêu cầu của ông H phù hợp với nguyện vọng của con là cháu S khi cháu S muốn được sống chung với cha là ông H. Bà N mặc dù đã được Tòa án thông báo, mời họp công khai chứng cứ, hòa giải để vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nhưng cố ý không tham gia, không gửi ý kiến phản hồi cho Tòa án. Vì vậy yêu cầu nuôi con chung của ông H được Tòa án xem xét chấp nhận.

[8]. Do ông H là nguyên đơn trong vụ án nên ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phù hợp với nhận định của Tòa án nên được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 137, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 25 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, giải quyết cho ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Phạm Thu N.

2. Giao con chung tên Nguyễn Đình S, sinh ngày 01/3/2008 cho ông Nguyễn Đình H trực tiếp nuôi con;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009299, quyển số 000186, ngày 28/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo : Ông Nguyễn Đình H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bà Phạm Thu N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

Trương Quốc Khánh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND TT C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP.*

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Đính **Nguyễn Việt Thành** **Trương Quốc Khánh**